

Số: *13a* /QĐ-SNgV

Tây Ninh, ngày *19* tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2024

GIÁM ĐỐC SỞ NGOẠI VỤ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2646/QĐ-UBND ngày 15/12/2023 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Thông báo số 11/TB-STC ngày 12/01/2024 của Sở Tài chính về việc kiểm tra phân bổ dự toán chi ngân sách năm 2024;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Ngoại vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024 của Sở Ngoại vụ (đính kèm biểu số 2: Dự toán thu – chi NSNN năm 2024).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn và công chức cơ quan Sở Ngoại vụ tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- BGD Sở;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Nguyễn Văn Hồng

Đơn vị: Sở Ngoại vụ Tây Ninh
Chương: 411

DỰ TOÁN THU, CHI NSNN NĂM 2024

(Kèm theo quyết định số: *13a* /QĐ-SNgV ngày 19/01/2024 của Sở Ngoại vụ)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.072.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	4.072.000
1	Chi quản lý hành chính	4.072.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	3.569.000
a	Nguồn 13	3.128.000
	- Chi quỹ lương theo MLCS 1.490.000 đồng (20 biên chế)	2.118.000
	- Chi hoạt động thường xuyên	621.000
	- Kinh phí đặc thù, cố định	72.000
	- Kinh phí hỗ trợ hợp đồng lao động theo NĐ 111/2022/NĐ-CP	317.000
b	Nguồn 14	441.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	503.000
a	Nguồn 12	503.000
	- Kinh phí mua sắm, sửa chữa	54.000
	- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ được giao	449.000
	+ Kinh phí đối nội, đối ngoại	300.000
	+ Phụ cấp KSTTHC	16.000
	+ Trang phục thanh tra	5.000
	+ Duy trì quản lý chất lượng ISO	10.000
	+ Kinh phí tổ chức Đảng	26.000
	+ Kinh phí Ban chỉ đạo công tác biên giới	92.000
b	Nguồn 14	

Ghi chú: Trong tổng chi ngân sách trên bao gồm mức trích lập Quỹ thi đua khen thưởng của đơn vị theo quy định tại NĐ số 98/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ (Quỹ thi đua khen thưởng được trích lập từ nguồn kinh phí hoạt động thường xuyên của cơ quan quản lý hành chính và bộ máy đơn vị sự nghiệp)